

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/02/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC6+RP1+RCDM	7:25	15+4+1	0+0+0		0+4+0	0+0+0	CHUYEN 3 RP1- rcDM
2		RC5+RP3	7:25	10+12	0+0		0+10	0+0	
3		P2+TD3+P4	9:25	8+4+7	0+0+0		8+6+6	0+0+0	
4		P8+RP2	9:25	16+5	0+0		5+0	0+0	

TTDBSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RC6 - RP1 - RCDM	CREW: HUNG - SON - VU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/0836		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CU CHI CONG	RC6	94	1	13	1	14	67	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM HONG VU	RC6	97-98	2	14	1	13	50	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DUY PHU	RC6	72	1	15	1	15	77	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VAN TUNG	RC6	57-58	2	9			60	XAYLAP	Vietnamese
5	LE XUAN VIET	RC6	76	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
6	LE TRONG TUAN	RC6	69	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
7	LUU VAN LUAN	RC6	70-71	2	15			64	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VAN TUAN	RC6	73	1	15			84	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC GIAP	RC6	99,50	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
10	VU VAN LOI	RC6	55-56	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRAN	RC6	59	1	10	1	14	64	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN DINH PHU	RC6	68,42	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN DUC CHIN	RC6	51-52	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
14	LE HUY CHUONG	RC6	74-75	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN HUU MINH	RC6	53-54	2	13			78	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THAO	RP1	54	1	7	1	15	78	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TUAN	RP1	51	1	6			81	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG PHUONG	RP1	52	1	4			65	PSV	Vietnamese
19	LE VAN QUY	RP1	53	1	10			72	PSV	Vietnamese
20	DO CONG TIEN	RCDM	20-21	2	17			75	ANTOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	15	1.030	24	230	4	56	0		
2	RP1	4	296	4	27	1	15	4+5	CHUYEN 3 PAX RP1-RCDM	
3	RCDM	1	75	2	17	0	0	0		
TOTAL		20	1.401	30	274	5	71	4		
WEIGHT KG			1.401		274		71			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
PHẠM THÁI SON



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RC5 - RP3	CREW: NAM - NPHÚ - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0838	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN TUẤN ANH	RC5	58	1	13			84	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI VĂN VƯỢNG	RC5	60-61	2	14	2	27	63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG KHOAI	RC5	41-42	2	18	2	23	70	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC THỌ	RC5	52-53	2	16			76	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HAI	RC5	45-92	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
6	LƯƠNG THẾ HIỀN	RC5	48-49	2	11			85	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG HOÀN	RC5	56-57	2	11			57	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ HUY DUẬN	RC5	54-55	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ NGUYỄN HẬU	RC5	43	1	10	1	14	61	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	RC5	50-51	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN ĐỒ CHAU TUẤN	RP3	49	1	16			104	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC CHÂN	RP3	51	1	3	4	60	76	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TẤT THÀNH	RP3	40	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỒ QUANG TẠO	RP3	41	1	10			71	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	50	1	4			63	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VỸ	RP3	44	1	6			67	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	42	1	4			65	PSV	Vietnamese
18	TRẦN THANH HẢI	RP3	43	1	3			62	PSV	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC CHI	RP3	45	1	4			58	PSV	Vietnamese
20	MAI MINH TIẾN	RP3	52	1	5			69	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	46	1	2			55	PSV	Vietnamese
22	PHAN THANH NAM	RP3	47-48	2	14			73	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	10	686	18	152	5	64	0		
2	RP3	12	835	13	83	4	60	10		
TOTAL		22	1.521	31	235	9	124	10		
WEIGHT KG			1.521		235		124			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

TRẦN HỒNG NAM  
ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: P2 - TD3 - P4	CREW: HUNG - SON - VU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0837	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NAM HAI	P2	26	1	5	2	35	74	T-TIN	Vietnamese
2	TRAN VIET BINH	P2	30	1	5			60	PSV	Vietnamese
3	PHAM VAN HIEP	P2	25	1	9			77	PSV	Vietnamese
4	PHAM THANH HUNG	P2	28	1	5			62	PSV	Vietnamese
5	TRAN VAN DUC	P2	23	1	4			51	PSV	Vietnamese
6	BUI THANH TUNG	P2	29	1	6			65	PSV	Vietnamese
7	PHAM HONG VAN	P2	27	1	6			69	PSV	Vietnamese
8	LUONG TRONG DUONG	P2	24	1	10			53	PSV	Vietnamese
9	PHAM THANH NHA	TD3	34	1	6	2	24	79	PSV	Vietnamese
10	NGO VAN THANH	TD3	37	1	8			65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN THONG	TD3	32	1	3			66	PSV	Vietnamese
12	PHAM PHU BINH	TD3	33	1	5			67	PSV	Vietnamese
13	VU NGOC TUAN	P4	49-50	2	9	1	20	81	KHI	Vietnamese
14	VU VAN TIEN	P4	24	1	6			66	PSV	Vietnamese
15	TRAN THANH LIEM	P4	46	1	5			64	PSV	Vietnamese
16	TRAN TRUNG KIEN	P4	23	1	3			66	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG THANG	P4	47	1	9			86	PSV	Vietnamese
18	LE CONG MINH	P4	45	1	7			112	PSV	Vietnamese
19	DAO VAN DUNG	P4	48	1	5			75	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	8	511	8	50	2	35	8		
2	TD3	4	277	4	22	2	24	7		
3	P4	7	550	8	44	1	20	6		
TOTAL		19	1.338	20	116	5	79	21		
WEIGHT KG			1.338		116		79			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

LE QUY HUNG  
PHAM THAI SON



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: P8 - RP2	CREW: NAM - NPHÚ - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/0839		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN DUY LONG	P8	41-42	2	18	2	40	59	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG ĐẠT	P8	38	1	4			68	NAM TIEN	Vietnamese
3	LÊ QUANG PHÚC	P8	06-07	2	15			59	NAM TIEN	Vietnamese
4	LÊ VĂN LẠNH	P8	37	1	8			57	NAM TIEN	Vietnamese
5	LA HẬU	P8	08-10	3	14			65	NAM TIEN	Vietnamese
6	HUYNH VĂN NAM	P8	34	1	12			66	NAM TIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THAI	P8	05	1	8			65	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ĐỊNH	P8	04	1	10			70	NAM TIEN	Vietnamese
9	HOANG MINH THUẬN	P8	32	1	7			70	NAM TIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN VÕ PHI CƯỜNG	P8	33	1	9			63	NAM TIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P8						68	PSV	Vietnamese
12	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	P8	39	1	8			50	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN PHÚ	P8	40	1	3			56	PSV	Vietnamese
14	LÊ CAO HAI	P8	36	1	5			65	PSV	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG ĐIỀN	P8	35	1	5			69	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN DŨNG	RP2	84-85	2	16			59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ VĂN TỈNH	RP2	89	1	12			64	ANTOAN	Vietnamese
18	PHAN VĂN CHUNG	RP2	88	1	10			82	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	RP2	86	1	9			59	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY KHANH	RP2	87	1	15	4	50	72	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	15	950	18	126	2	40	6		
2	RP2	5	336	6	62	4	50	0		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.286</b>	<b>24</b>	<b>188</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>6</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.286</b>		<b>188</b>		<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.564 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

ĐÀO NGỌC PHÚ